

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 240/2022/DS-PT

Ngày: 17 - 11 - 2022

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường

ông Nguyễn Tấn Long

- *Thư ký phiên tòa*: ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tổ chức phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. bà Lê Thị C, sinh năm 1938; địa chỉ: tổ nông dân đoàn kết số 1, thôn 1, xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

1.2. bà Lê Thị M, sinh năm 1939; địa chỉ: tổ đoàn kết số 8, khối 7B, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam;

1.3. ông Lê H, sinh năm 1938; địa chỉ: tổ đoàn kết số 3, thôn T1, xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa;

Người đại diện ủy quyền của bà Lê Thị C và bà Lê Thị M: ông Lê H, sinh năm 1938; địa chỉ: tổ đoàn kết số 3, thôn T1, xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê H: ông Phan Công H2, sinh năm 1976; địa chỉ: số 1547 đường T2, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. ông Lê D, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ 29, phường A, quận T3, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2.2. ông Lê H3; sinh năm 1960; địa chỉ: tổ 44, phường H5, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2.3. ông Lê H4, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 27, phường T4, quận T3, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. bà Lê Thị H5, sinh năm 1950; địa chỉ: chi hội Nông dân số 7, thôn 7, xã K1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. bà Lê Thị D1, sinh năm 1959; địa chỉ: số 557/60/10/3 đường H6, tổ 85, khối phố 9, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H5 và bà Lê Thị D1: ông Lê D, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ 29, phường A, quận T3, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

3.3. bà Lê Thị Kim H7, sinh năm 2001; địa chỉ: tổ 27, phường T3, quận T3, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt tại phiên tòa.

3.4. Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: khối 3, phường V, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện ủy quyền: ông Võ Như P, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ1, vắng mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Cha mẹ bà Lê Thị C, bà Lê Thị M và ông Lê H là cụ ông Lê Q1 (sinh năm 1915, chết năm 1980) và cụ bà Dương Thị Đ4 (sinh năm 1917, chết năm 1953). Cụ Lê Q1 và cụ Dương Thị Đ4 có 04 người con gồm: ông Lê T5 (chết năm 2019), bà Lê Thị C, ông Lê H và bà Lê Thị M.

Vào khoảng trước năm 1945, vợ chồng ông Lê Q1 có khai phá sử dụng và làm nhà ở trên thửa đất có diện tích 1.205,1m² tại thôn Triêm Trung 1, xã Đ2, huyện (nay là thị xã) Đ1, tỉnh Quảng Nam. Cụ Lê Q1 và cụ Dương Thị Đ4 chết, không để lại di chúc. Năm 1980 Nhà nước có chính sách kê khai đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/TTg, thời điểm đó ông Lê T5 tự ý đứng ra kê khai đăng ký sử dụng và ở trong ngôi nhà của cha mẹ để lại mà không thông qua ý kiến của các anh chị em trong gia đình. Mặc dù đây là tài sản của cha mẹ để lại, nhưng sau khi ông Lê T5 qua đời thì các con của ông Lê T5 là ông Lê D, ông Lê H3, ông Lê H4 ngang nhiên chiếm đoạt

và tự ý sang nhượng cho người khác. Khi các ông bà biết được thì có làm đơn ngăn chặn gửi cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ2 nên việc mua bán sang nhượng vẫn chưa được thực hiện.

Sau khi sự việc xảy ra, các ông bà và các con của ông Lê T5 đã nhiều lần thỏa thuận cũng như làm đơn yêu cầu UBND xã Đ2 tổ chức hòa giải cơ sở về việc phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng không thành.

Nay đồng nguyên đơn bà Lê Thị C, bà Lê Thị M và ông Lê H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số Đ 388868 do UBND huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 16/9/2004 cho hộ ông Lê T5 và bà Nguyễn Thị L1 đối với thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 1.205,1m² tại thôn Triêm Trung 1, xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.100,8m². Cụ thể: phân chia thành 05 phần đất bằng nhau, trong đó giao cho phía đồng nguyên đơn được nhận 03 phần đất do ông Lê H đại diện nhận, giao cho phía đồng bị đơn được nhận 02 phần đất còn lại có ngôi nhà của ông Lê T5.

2. Trình bày của bị đơn thể hiện:

Trước năm 1975 cha mẹ các ông là ông Lê T5 (chết năm 2019) và bà Nguyễn Thị L1 (chết năm 2006) sinh sống và trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội cho đến khi qua đời tháng 10/1979 tại ngôi nhà nằm trên khu vườn diện tích đất 1.205,1m² nói trên. Trong quá trình quản lý sử dụng, cha mẹ các ông đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế ở địa phương. Còn chú ruột các ông là ông Lê H đi lính chế độ cũ đến khi giải phóng năm 1975 về mua đất làm nhà tại xã Đ2, còn hai cô ruột là bà Lê Thị M lấy chồng ở phường Đ và bà Lê Thị C lấy chồng vào ở tỉnh Đắk Lắk.

Năm 1963 ông Lê H có thuê người đắp đất đắp nền nhà bên cạnh nhà cha mẹ các ông. Nhưng vào khoảng năm 1965 ông nội các ông có ý định bán lại nền đất nói trên cho ông bác họ vì lúc đó ông bác họ đang cần mua nền nhà cho con trai. Thấy vậy, cha mẹ các ông có dành mua lại nền đất đó để sau này làm nhà cho các con nên có đưa cho ông Lê H 03 lượng vàng với sự thống nhất của ông nội các ông để ông Lê H ra Đà Nẵng mua nhà ở. Sau khi đất nước được giải phóng năm 1975, cha mẹ các ông đã hiến một mẫu bốn sào ruộng đất điền thổ để xin nhận lại mảnh đất vườn để ở hiện nay và sau đó được chính quyền xã đã chấp thuận đồng ý để lại diện tích vườn ở cho gia đình để 03 người con trai sau này về lập gia đình làm nhà ở. Còn ông Lê H bỏ nhà ở Đà Nẵng về quê, không có đất làm nhà nên đi mua đất gần trong thôn để ở.

Trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, cha mẹ các ông kê khai đăng ký đầy đủ các hồ sơ địa chính có liên quan và sử dụng ổn định thửa đất nói trên, sau đó được UBND huyện (nay là thị xã) Đ1 cấp GCNQSDĐ số 388868 ngày 16/09/2004 cho cha mẹ các ông là ông Lê T5 và bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất

số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.205,1m². Việc này được thông báo công khai tại xã từ trước đến nay nhưng ông Lê H không có ý kiến gì. Sau khi cha các ông là ông Lê T5 chết thì ông Lê H, bà Lê Thị C và bà Lê Thị M lại làm đơn khiếu kiện diện tích đất này.

Các ông thừa nhận trên diện tích đất tranh chấp có ngôi nhà do ông Lê T5 xây dựng vào năm 1975, từ đó đến nay sau nhiều lần xuống cấp thì anh em các ông đã tu sửa lại 03 lần.

Các ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên hòa giải, các ông đồng ý tự nguyện tách diện tích đất tranh chấp ra 01 thửa đất mới (có chiều ngang 10m, chiều dài từ trước ra sau, vị trí tại ngôi nhà nằm trên đất) giao cho ông Lê H đại diện cho đồng nguyên đơn nhận để xây dựng nhà thờ, không được quyền chuyển nhượng, tặng cho.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng các điều 26, 34, 37, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005. Các điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013. Các điều 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 8 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ. Các điều 12, 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C, bà Lê Thị M và ông Lê H về việc “Tranh chấp về chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt” với ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ388868 do UBND huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 16/9/2004 cho hộ ông Lê T5 và bà Nguyễn Thị L1 đối với thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 1.205,1m² tại thôn Triêm Trung 1, xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Xác định thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.100,8m² xã Đ2, thị xã Đ1 có tổng giá trị đất là 1.967.414.400 đồng là di sản thừa kế của ông Lê Q1 và bà Dương Thị Đ4 chết để lại.

Ông Lê H được quyền quản lý sử dụng 457m² đất và các vật kiến trúc và cây cối hiện có trên đất (ký hiệu 969/2), trong đó có 100m² đất ở và 357m² là đất vườn ao trong cùng thửa, thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100,8m² tại xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Lê D được quyền quản lý sử dụng 643,3m² đất nhà và các vật kiến trúc và cây cối hiện có trên đất (ký hiệu 696/1), trong đó có 100m² đất ở và 543,3m² là đất vườn ao trong cùng thửa, thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100,8m² tại xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/6/2022 ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện; ông Lê D, ông Lê H3 trình bày giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị xét xử vắng mặt ông Lê H4 vì nội dung kháng cáo của ông H4 cùng nội dung với kháng cáo của các ông. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn trình bày: diện tích đất tranh chấp do cha của bị đơn là ông Lê T5 kê khai theo Chỉ thị 299/TTg, đóng thuế đất; đồng thời làm nhà ở và phụng dưỡng ông bà nội là cụ ông Lê Q1 và cụ bà Dương Thị Đ4. Ông Lê T5 hiến một phần đất cho Nhà nước và xin giữ lại đất vườn để sinh sống. Ngày 16/9/2004 UBND huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê T5 và bà Nguyễn Thị L1 số Đ388868 đối với thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 1.205,1m² tại thôn Triêm Trung 1, xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày: diện tích đất tranh chấp là của cụ ông Lê Q1 và cụ bà Dương Thị Đ4 đã được các bên đương sự thống nhất tại Biên bản hòa giải của địa phương và tại Tòa án cấp sơ thẩm. Nguyên đơn chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất, còn ngôi nhà không tranh chấp. Sau khi hai cụ Q1, Đ4 chết thì ông Lê T5 lợi dụng công tác tại UBND nên đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ không được sự đồng ý của hàng thừa kế. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4 là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: diện tích đất 1.205,1m² tại thôn Triêm Trung 1, xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam là do hai cụ Lê Q1, Dương Thị Đ4 khai hoang và làm nhà để sinh sống cùng các con. Hai cụ chết không có di chúc. Sau khi hai cụ chết ông Lê T5 kê khai và được cấp GCNQSDĐ không được sự đồng ý của những người con khác của cụ Q1, cụ Đ4 là không đúng pháp luật. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Q1, cụ Đ4 để lại là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4 kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo của ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4 là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay ông Lê H4 kháng cáo nhưng vắng mặt. Xét thấy, ông Lê H4 kháng cáo có cùng nội dung, cùng văn bản với ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê D, Lê H3 đồng ý xét xử vắng mặt ông Lê H4. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê H4 là có căn cứ, không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H4.

[2]. Xét kháng cáo của Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4:

[2.1]. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

[2.1.1]. Trình bày của các bên đương sự:

Nguyên đơn cho rằng: diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế 1.100,8m² là của cha mẹ nguyên đơn là cụ ông Lê Q1 (chết năm 1980) và cụ bà Dương Thị Đ4 (chết năm 1953). Cụ ông Lê Q1 và cụ bà Dương Thị Đ4 có 04 người con là ông Lê T5 (chết năm 2019), bà Lê Thị C, ông Lê H, bà Lê Thị M. Cụ Lê Q1 và cụ Dương Thị Đ4 chết không để lại di chúc, di sản hai cụ để lại là thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.100,8m². Do đó, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế nêu trên thành 05 phần bằng nhau, nguyên đơn nhận 03 kỷ phần, bị đơn nhận 02 kỷ phần.

Bị đơn cho rằng: diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế 1.100,8m² là của cha mẹ bị đơn là ông Lê T5 (chết năm 2019) và bà Nguyễn Thị L1 (chết năm 2006). Khi còn sống ông Lê T5, bà Nguyễn Thị L1 đã sử dụng, đăng ký kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất tranh chấp. Do đó không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1.2]. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Theo Trích đo địa chính thửa đất tranh chấp số 843/VPĐK do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam đo vẽ ngày 27/8/2020 và Công văn số 338/TNMT ngày 16/8/2021 của UBND thị xã Đ1 thể hiện: đối với hồ sơ 299 thì có bản đồ 299 và sổ theo dõi do ông Lê T5 đứng tên đăng ký tại thửa 299, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.150m²; đối với hồ sơ 64 thì có bản đồ 64 và sổ theo dõi do ông Lê T5 đăng ký tại thửa 308, tờ bản đồ số 10, diện tích 964m². diện tích đất tranh chấp là thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.205,5m² tại xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ1 (nay là thị xã Đ1) cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lê T5, bà Nguyễn Thị L1 ngày 16/9/2004 (bút lục số 135, 162);

Tại Biên bản hòa giải ngày 22/8/2019 do UBND xã Đ2 lập giữa ông Lê D, Lê H3, Lê H4. Các bên trình bày và đã thừa nhận: “nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cụ Lê Q1 và cụ Dương Thị Đ4 ...” (bút lục số 04, 05);

Tại Biên bản họp gia đình ngày 07/10/2020 gồm ông Lê H3, ông Lê P, ông Lê Th, ông Lê Văn H3, ông Lê Đức Ng, ông Trần V thể hiện: “Có một cuộc họp gia đình về đất vườn của ông nội là Lê Q1 để lại. Anh em chúng ta bàn tính và quyết định giải quyết rõ ràng và đồng ý hiến một lô đất cho nhà thờ tộc Lê Đức diện tích ngang là 10m. Anh em chúng tôi đồng ý hiến đất và không thắc mắc, khiếu nại về sau. Cuộc họp là một bằng chứng và ghi nhận cho thế hệ sau”. Biên bản thể hiện chữ ký và nội dung ông Lê H3 xác nhận: anh Lê H3 có trách nhiệm về lời nói cho sự việc này thay cho anh Lê D và Lê H4 (bút lục số 176);

Tại Biên bản hòa giải không thành ngày 11/12/2020 do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam lập giữa các đương sự thể hiện lời trình bày của bị đơn ông Lê D, ông Lê H3: “... phía bị đơn tự nguyện tách diện tích đất tranh chấp ra 01 thửa đất mới (có chiều ngang 10m, dài từ trước ra sau, vị trí tại ngôi nhà nằm trên đất) giao cho ông Lê H đại diện cho đồng nguyên đơn nhận để xây dựng nhà thờ, không được quyền chuyển nhượng, tặng cho...” (bút lục số 151);

Với nội dung được phân tích tại các tiểu mục [2.1.1]. và [2.1.2]. thấy rằng: nội dung các đương sự tự nguyện thừa nhận diện tích đất tranh chấp là của cụ Lê Q1 và cụ Dương Thị Đ4. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ này không phải chứng minh. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm khẳng định thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích đo đạc thực tế 1.100,8m² tại xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung của cụ Lê Q1 và cụ Dương Thị Đ4 là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Đối với GCNQSDĐ số Đ388868 do UBND huyện Đ1 cấp ngày 16/9/2004 cho hộ ông Lê T5, bà Nguyễn Thị L1:

Như nội dung đã được phân tích tại các tiểu mục [2.1.1]. và [2.1.2]. nêu trên đã xác định thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích đo đạc thực tế 1.100,8m² tại xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung của cụ Lê Q1 và cụ Dương Thị Đ4. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá việc UBND huyện Đ1 cấp GCNQSDĐ số Đ388868 ngày 16/9/2004 cho hộ ông Lê T5, bà Nguyễn Thị L1 là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[2.3]. Nội dung chia thừa kế:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá tài sản và đo vẽ tách thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10 làm căn cứ để chia, cụ thể: tại Biên bản định giá tài sản ngày 01/7/2020 xác định tổng giá trị 1.100,8m² đất tại thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10 là 1.967.414.400đ. Thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10 tách thành 02 thửa gồm thửa đất số 969/2 có diện tích 457m² (trong đó, 100m² đất ở và 357m² đất vườn ao) có giá trị 842.685.000đ và thửa đất số 969/1 có diện tích 643,3m² (trong đó, 100m² đất ở và

543,3m² đất vườn ao) có giá trị 1.124.729.400đ. Đồng thời, căn cứ vào sự thống nhất của nguyên đơn và bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao thửa đất số 969/2 có diện tích 457m² (trong đó, 100m² đất ở và 357m² đất vườn ao) có giá trị 842.685.000đ và vật kiến trúc trên diện tích đất 457m² cho ông Lê H quản lý sử dụng và giao thửa đất số 969/1 có diện tích 643,3m² (trong đó, 100m² đất ở và 543,3m² đất vườn ao) có giá trị 1.124.729.400đ và vật kiến trúc trên diện tích đất 643,3m² cho ông Lê D (có sơ đồ bản vẽ kèm theo do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện) là đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, có lợi cho bị đơn và đúng pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của đương sự và những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4 là không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê D, ông Lê H3 được miễn; ông Lê H4 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 26; Điều 34 Điều 37; Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điều 623; Điều 650; Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 8 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C, bà Lê Thị M và ông Lê H về việc “Tranh chấp về chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt” với ông Lê D, ông Lê H3 và ông Lê H4.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ388868 do UBND huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 16/9/2004 cho hộ ông Lê T5 và bà Nguyễn Thị L1 đối với thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 1.205,1m² tại thôn Triêm Trung 1, xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Xác định thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.100,8m² xã Đ2, thị xã Đ1 có tổng giá trị đất là 1.967.414.400 đồng là di sản thừa kế của ông Lê Q1 và bà Dương Thị Đ4 chết để lại.

Ông Lê H được quyền quản lý sử dụng 457m² đất và các vật kiến trúc và cây cối hiện có trên đất (ký hiệu 969/2), trong đó có 100m² đất ở và 357m² là đất vườn ao trong cùng thửa, thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100,8m² tại

xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện kèm theo).

Ông Lê D được quyền quản lý sử dụng 643,3m² đất nhà và các vật kiến trúc và cây cối hiện có trên đất (ký hiệu 696/1), trong đó có 100m² đất ở và 543,3m² là đất vườn ao trong cùng thửa, thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100,8m² tại xã Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ bản vẽ do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện kèm theo kèm theo).

Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp GCNQSDĐ theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê D, ông Lê H3 được miễn; ông Lê H4 phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền ông Lê H4 đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000196 ngày 14/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long

Phạm Việt Cường

Trần Quốc Cường